TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **110/**2023/HS-PT
Ngày: 31-7-2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Văn Thuấn**

Các Thẩm phán: Bà **Huỳnh Thị Út Mẫn**

Bà **Nguyễn Diệu Hiền**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Nguyễn Tấn Đạt** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Tuyết Nhung** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 77/2023/TLPT-HS ngày 02 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo Trần Thanh H, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2023/HS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Thanh H, sinh năm: 1978, tại V, Kiên Giang; Nơi cư trú: Ấp V1, xã V2, huyện U, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc kinh; giới tính nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn H1, sinh năm 1951 và bà Thái Thị Ng, sinh năm 1955. Vợ Nguyễn Thị Thu, sinh năm 1977 (đã ly hôn); con 02 người, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 1998; Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bị cáo được tại ngoại. (có mặt).

* *Người bị hại:* Ông **Trần Văn Đ**, sinh năm 1977 và bà **Thái Thị N**, sinh năm 1978 (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp Tr, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 19/7/2020 Trần Văn Đ sinh năm 1977 cư trú ấp Tr, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang đến quán " Lucky" thuộc ấp C, xã

A huyện U, tỉnh Kiên Giang uống nước cùng với Nguyễn Văn T, Huỳnh Văn K và Phạm Văn H2, đến khoảng 18 giờ cùng ngày Trần Thanh H đi đến quán " Lucky" gặp Trần Văn Đ và hỏi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, mang biển kiểm soát 68L1 -230.74 của Đ để đi có việc một chút rồi về trả lại. Do có quen biết nhau từ trước nên Đ đồng ý cho H mượn chiếc xe mô tô trên. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, Trần Văn Đ gọi điện thoại cho H để hỏi lấy lại chiếc xe mô tô trên, thì H nói sáng hôm sau sẽ trả xe lại cho Đ. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Đ, T, H2 và K đi về nhà. Đến khoảng 09 giờ ngày 20/7/2020 Trần Văn Đ gọi điện thoại cho Trần Thanh H để đòi lại chiếc xe mô tô đã cho H mượn thì H nói với Đ là lỡ đánh bài thua nên đã đem cầm chiếc xe mô tô trên cho người khác rồi. Nghe vậy Đ mới kêu H chuộc xe về trả lại cho Đ, H mới hứa sẽ lấy xe về trả lại cho Đ. Sau đó Đ nhiều lần yêu cầu H trả lại chiếc xe mô tô trên thì H hứa hẹn sẽ chuộc trả lại cho Đ nhưng không thấy trả. Khoảng 01 tháng sau H nói với Đ là chiếc xe mô tô trên H đem cầm, sau đó đã bán cho người khác rồi. Đ mới kêu H trả lại chiếc xe mô tô trên cho Đ. Lúc này H mới xin trả góp cho Đ mỗi ngày 400.000 đồng cho đến khi đủ 18.000.000 đồng để bồi thường chiếc xe mô tô cho Đ thì Đ đồng ý. Sau đó H bồi thường cho Đ được 05 ngày với số tiền 2.000.000 đồng thì không bồi thường tiếp nữa. Do không thấy H bồi thường chiếc xe mô tô trên, nên đến ngày 18/5/2022 Trần Văn Đ làm đơn tố cáo Trần Thanh H về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản đến Công an huyện U tỉnh Kiên Giang.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐGTS ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện U kết luận: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, mang biển kiểm soát 68L1-230.74, tại thời điểm xâm hại ngày 19 tháng 7 năm 2020 có giá trị là 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng).

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, mang biển kiểm soát 68L1-230.74 Trần Thanh H khai đã cầm, sau đó đã bán cho người thanh niên không rõ họ tên, địa chỉ cơ quan điều tra công an huyện U không thu hồi được.

***** *Tại bản án hình sự sơ thẩm số:* 11/2023/HS-ST, ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Trần Thanh H** phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".*

2. Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Thanh H 09** tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận thỏa thuận giữa bị cáo Trần Thanh H và bị hại Trần Văn Đ là bị cáo bồi thường giá trị chiếc xe mô tô biển kiểm soát 68L1 - 230.74 trị giá 18.000.000 đồng đã bồi thường 2.000.000 đồng. Bị cáo tiếp tục bồi thường 16.000.000 đồng cho bị hại Trần Văn Đ và vợ bà Thái Thị N.

- Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04/5/2023, bị cáo Trần Thanh H có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo không đồng ý Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* bị cáo cho rằng mình không có tội đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo điểm a khoản 1 Điều 175 là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo với mức án 09 tháng tù là phù hợp tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thêm tình tiết giảm nhẹ mới qui định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả số tiền 12.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002547 ngày 21/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U.

Tại phiên toà bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo không xin giảm nhẹ hình phạt mà bị cáo kêu oan không thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ, lời khai của bị cáo, bị hại có trong hồ sơ vụ án là không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên.

** Lời nói sau cùng của bị cáo:* Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét bị cáo bị oan, không có tội`.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bị cáo về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của Bản án sơ thẩm:

Vào ngày 19/7/2020, Tại ấp C, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang, do có quen biết từ trước nên Trần Văn Đ đã tin tưởng giao cho Trần Thanh H mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius mang biển kiểm soát 68L1 -230.74 để đi giải quyết việc cá nhân rồi trả lại ngay. Sau khi có được tài sản là chiếc xe mô tô biển kiểm soát 68L1 – 230.74 Trần Thanh H đã thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên, với giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 16.000.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm xong, bị cáo có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt. Tuy nhiên tại phiên toà bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo kêu oan, không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo cho rằng sau khi mượn xe của anh Đ, bị cáo đem xe đi cầm cho một người bị cáo không rõ họ tên, địa chỉ để lấy tiền cờ bạc. Khi anh Đ điện thoại đòi xe bị cáo nói rằng đã cầm xe rồi, anh Đ yêu cầu bị cáo chuộc xe về trả cho anh Đ bị cáo hứa nhiều lần nhưng không thực hiện. Khoảng 01 tháng sau bị cáo nói với anh Đ chiếc xe tôi đã bán rồi, anh Đ yêu cầu bị cáo trả lại xe thị bị cáo xin được trả góp cho anh Đ mỗi tháng 400.000 đồng, cho đến khi đủ 18.000.000 đồng được anh Đ đồng ý. Bị cáo trả được 05 ngày = 2.000.000 đồng thì bị cáo không tiếp tục thực hiện nữa, nên đến ngày 18/5/2022 anh Đ làm đơn tố cáo hành vi của bị cáo đến cơ quan điều tra Công an huyện U, tỉnh Kiên Giang. Bị cáo cho việc rằng anh Đ đồng ý thoả thuận với bị cáo để trả góp là việc dân sự bị cáo không phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của bị cáo, bị hại và quá trình tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử xét thấy sau khi mượn được xe của bị hại, vì muốn có tiền để cờ bạc bị cáo đem xe bị hại đi cầm, sau đó bán luôn cho một người không rõ họ tên, địa chỉ nhưng không được sự đồng ý của chủ sở hữu, hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Việc thoả thuận bồi thường là khắc phục hậu quả chứ không ảnh hưởng đến việc định tội danh. Cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội đúng pháp luật.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay mặc dù bị cáo có cung cấp thêm biên lai nộp tiền khắc phục hậu quả 12.000.000 đồng và giấy chứng nhận ông nội của bị

cáo là liệt sĩ đây là tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo chưa thật sự ăn năn hối cải, mặc khác cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo 09 tháng tù cũng tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cũng không có cơ sở để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

[4] Về quan điểm của Kiểm sát viên: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 11/2023/HS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: **Trần Thanh H 09 (chín)** tháng tù về tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận thỏa thuận giữa bị cáo Trần Thanh H và bị hại Trần Văn Đ là bị cáo bồi thường giá trị chiếc xe mô tô biển kiểm soát 68L1 - 230.74 trị giá 18.000.000 đồng đã bồi thường 2.000.000 đồng. Bị cáo tiếp tục bồi thường 16.000.000 đồng cho bị hại Trần Văn Đ và vợ bà Thái Thị N. Được khấu trừ 12.000.000 đồng theo biên lai thu tiền án phí số 0002547 ngay 21/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Kiên Giang. Buộc bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho người bị hại ông Trần Văn Đ và bà Thái Thị N 4.000.000 đồng.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo không phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 11/2023/HS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo (1);
- Cơ quan điều tra huyện (1)
- VKS huyện (1)
- Tòa án huyện (1)
- Thi hành án hình sự huyện (1)
- Chi cục thi hành án dân sự huyện (1)
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Thuấn